

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG

Số 1695/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đăk Nông, ngày 29 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành/thay thế/bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đăk Nông

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1573/QĐ-BKHCN ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/thủ tục hành chính được thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ; Quyết định số 1662/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng và thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ; Quyết định số 2405/QĐ-BKHCN ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 27/TTr-SKHCN ngày 19 tháng 10 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành/thay thế/bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đăk Nông.

Điều 2. Giao Văn phòng UBND tỉnh cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và niêm yết, công khai tại Trung tâm Hành chính công theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.m2

Noi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KS TTHC-Văn phòng Chính phủ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử;
- Công báo Đăk Nông;
- Lưu: VT, TTHCC, NN, KSTT.

4



THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH/THAY THẾ/BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH ĐẮK NÔNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1695/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện; Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<i>Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Hành chính công - Số 01, Đường Ông Phù, P. Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.</i>						
A THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH						
I Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng						
1	Thủ chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận	1. Thành phần hồ sơ: (1) Đơn đăng ký chỉ định đánh giá sự phù hợp theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP (01 bản); (2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận (01 bản); (3) Danh sách thử nghiệm viên, giám định viên, kiểm định viên, chuyên gia đánh giá theo quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP có bản sao chứng chỉ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ (01 bản mỗi loại); (4) Danh mục tài liệu kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy trình, thủ tục thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận tương ứng theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định	1. Trình tự thực hiện Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ - Tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến theo địa chỉ: motcua.daknong.gov.vn . - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, thực hiện chuyên hồ sơ cho Sở Khoa học và Công nghệ. Bước 2. Xử lý hồ sơ - Sau khi nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ cử chuyên gia hoặc thành lập đoàn đánh giá và phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức đánh giá sự phù hợp về việc đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp. - Trong thời hạn 19,5 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ, chuyên gia hoặc đoàn đánh giá phải hoàn thành việc đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp và ký biên	- Phi, lệ phí: Không - Chi phí phục vụ hoạt động đánh giá của chuyên gia hoặc đoàn đánh giá: Do tổ chức đánh giá sự phù hợp ký chỉ định bảo đảm. - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số	- Luật lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007. - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số	

	<p>số 74/2018/NĐ-CP, có bản sao Quy trình, thủ tục thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận tương ứng với sản phẩm, hàng hóa, quá trình, môi trường đăng ký chi định kèm theo (01 bản mỗi loại);</p> <p>(5) Danh mục máy móc, thiết bị thử nghiệm đối với lĩnh vực đăng ký chi định (đối với tổ chức thử nghiệm, kiêm định) theo quy định tại Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, có bản sao Giấy chứng nhận kiêm định, hiệu chuẩn còn hiệu lực kèm theo (01 bản mỗi loại);</p> <p>(6) Bản sao Chứng chỉ công nhận năng lực thử nghiệm, giám định, kiêm định, chứng nhận do tổ chức công nhận hợp pháp cấp (nếu có, 01 bản mỗi loại);</p> <p>(7) Bản sao kết quả thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng đối với phương pháp thử của sản phẩm, hàng hóa đăng ký chi định (đối với tổ chức thử nghiệm; 01 bản mỗi loại).</p>	<p>bản đánh giá thực tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp tổ chức đánh giá sự phù hợp phải khắc phục các nội dung quy định trong biên bản đánh giá thực tế, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày ký biên bản đánh giá thực tế, tổ chức đánh giá sự phù hợp phải gửi báo cáo kết quả hành động khắc phục về Sở Khoa học và Công nghệ; trường hợp phải kéo dài thêm thời hạn thì phải nêu rõ thời hạn chính thức hoàn thành việc khắc phục các nội dung còn lại. 	<p>điều của Nghị số 132/2008/NĐ- CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoa.</p>
	<p>Lưu ý: Đối với các phép thử chưa có điều kiện để thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng thí phải bổ sung hồ sơ phương pháp thử, xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp thử và chất chuẩn để kiểm soát chất lượng thử nghiệm (01 bộ).</p> <p>Trường hợp tổ chức đánh giá sự phù hợp đồng thời nộp hồ sơ đăng ký hoạt động (theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh</p>	<p>Bước 3. Ban hành Quyết định chi định tổ chức đánh giá sự phù hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau khi nhận được báo cáo kết quả hành động khắc phục theo biên bản đánh giá thực tế, nếu tổ chức đánh giá sự phù hợp đáp ứng yêu cầu theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu cho UBND tỉnh ban hành quyết định hoặc văn bản trả lời trường hợp từ chối chi định (UBND tỉnh giải quyết trong 05 ngày làm việc). - Thời hạn hiệu lực của quyết định chi định không quá 05 năm kể từ ngày ký ban hành. <p>Bước 4. Trả kết quả</p> <p>UBND tỉnh chuyển kết quả cho:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công để trả kết quả cho tổ chức; - Sở Khoa học và Công nghệ để lưu, theo dõi. <p>2. Thời gian giải quyết: tổng 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Khoa học và Công nghệ: 19,5 ngày; 	2

	<p>doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp) và hồ sơ đăng ký chi định thì tổ chức đánh giá sự phù hợp <i>không phải nộp</i> kèm theo các thành phần hồ sơ quy định tại điểm b, c, d, đ, e của khoản 1 Điều 18b Nghị định số 74/2018/NĐ-CP; cụ thể gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận; + Danh sách thử nghiệm viên, giám định viên, kiểm định viên, chuyên gia đánh giá theo Mẫu số 05 phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/NĐ-CP, kèm theo bản sao chứng chỉ đào tạo chuyên môn nghiệp vụ; + Danh mục tài liệu kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy trình, thủ tục thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận trong ứng theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, có bản sao Quy trình, thủ tục thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận tương ứng với sản phẩm, hàng hóa, quá trình, môi trường đăng ký chi định kèm theo; + Danh mục máy móc, thiết bị thử nghiệm đối với lĩnh vực đăng ký chi định (đối với tổ chức thử nghiệm, kiểm định) theo quy định tại Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, có bản sao Giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn còn hiệu lực kèm theo; + Bản sao Chứng chỉ công nhận năng 	<p>- UBND tỉnh: 05 ngày.</p>
--	---	------------------------------

2	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, linh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định	<p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> (1) Đơn đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định theo quy định tại Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP (01 bản); Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận; bản sao Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (01 bản mỗi loại); Danh sách thử nghiệm viên, giám định viên, kiêm định viên, chuyên gia đánh giá đối với phạm vi, lĩnh vực đăng ký thay đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, có bản sao Chứng chỉ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ kèm theo (01 bản mỗi loại); Danh mục tài liệu kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy trình thử nghiệm, giám định, kiêm định, chứng nhận tương ứng đối với phạm vi, lĩnh vực đăng ký thay đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP có bản sao Quy trình, thủ tục thử nghiệm, giám định, kiêm định, chứng nhận 	<p>1. Trình tự thực hiện</p> <p>Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> Tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến theo địa chỉ: motcua.daknong.gov.vn. Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, thực hiện chuyển hồ sơ cho Sở Khoa học và Công nghệ. <p>Bước 2. Xử lý hồ sơ</p> <p>Trong thời hạn 19,5 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành thẩm xét hồ sơ, không tổ chức đánh giá năng lực thực tế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng có nội dung không phù hợp hoặc có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc có thông tin, phản ánh về dấu hiệu vi phạm liên quan đến hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ: <ul style="list-style-type: none"> Tổ chức đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp. Cử chuyên gia hoặc thành lập đoàn đánh giá và phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức đánh giá sự phù hợp về việc đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù 	<p>- Phí, lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> Không; Chi phí phục vụ hoạt động đánh giá chuyên gia hoặc đoàn đánh giá do tổ chức đánh giá sự phù hợp đăng ký chi định bảo đảm. <p>- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007.</p> <p>- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng</p>

	<p>trong ứng kèm theo (01 bản mỗi loại);</p> <ul style="list-style-type: none"> - (4) Danh mục máy móc, thiết bị thử nghiệm đổi với phạm vi, lĩnh vực đăng ký thay đổi, bổ sung (đối với tổ chức thử nghiệm, kiểm định) theo quy định tại Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, có bản sao Giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm còn hiệu lực kèm theo (01 bản mỗi loại); - (5) Bản sao Chứng chỉ công nhận năng lực thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận do tổ chức công nhận hợp pháp cấp (nếu có) đối với phạm vi, lĩnh vực đăng ký thay đổi, bổ sung (01 bản); - (6) Bản sao kết quả thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng đối với phương pháp thử của sản phẩm, hàng hóa đăng ký thay đổi, bổ sung (đối với tổ chức thử nghiệm), (01 bản mỗi loại); <p>Đối với các phép thử chưa có điều kiện để thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng thí phải bổ sung hồ sơ phương pháp thử, xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp thử và chất chuẩn để kiểm soát chất lượng thử nghiệm (01 bộ).</p>	<p>hop. Chuyên gia hoặc đoàn đánh giá phải hoàn thành việc đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp và ký biên bản đánh giá thực tế trong thời gian 20 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định đánh giá.</p> <p>Bước 3. Ban hành Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (sửa đổi, bổ sung)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau khi nhận được báo cáo kết quả hành động khắc phục theo biên bản đánh giá thực tế, nếu tổ chức đánh giá sự phù hợp đáp ứng yêu cầu theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu cho UBND tỉnh ban hành quyết định (UBND tỉnh giải quyết trong 05 ngày làm việc). - Thời hạn hiệu lực của quyết định chỉ định không quá 05 năm kể từ ngày ký ban hành. <p>Bước 4. Trả kết quả</p> <p>UBND tỉnh chuyển kết quả cho:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công để trả kết quả cho tổ chức; - Sở Khoa học và Công nghệ để lưu, theo dõi. <p>2. Thời gian giải quyết: tổng 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Khoa học và Công nghệ: 19,5 ngày; - UBND tỉnh: 05 ngày. <p>* Tính pháp lý của văn bản trong thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, bản sao các chứng chỉ, tài liệu theo quy định tại Điều 18b Nghị định số 74/2018/NĐ-CP (các thành phần hồ 	<p>sản phẩm, hàng hoá.</p>
--	---	---	----------------------------

<p>sơ: (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7) chưa được chứng thực thì phải có bản chính để đối chiếu;</p> <p>- Trường hợp hồ sơ được gửi qua bưu điện, tổ chức đánh giá sự phù hợp phải nộp bản sao được chứng thực hoặc bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của tổ chức) các chứng chỉ, tài liệu theo quy định tại Điều 18b Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>	<p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <p>Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - (1) Đơn đề nghị cấp lại quyết định chỉ định theo quy định tại Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP; - (2) Bản chính Quyết định chỉ định bị hư hỏng (đối với trường hợp quyết định chỉ định bị hư hỏng). <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>	<p>Không</p> <p>1. Trình tự thực hiện</p> <p>Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến theo địa chỉ: motcua.daknong.gov.vn. - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, thực hiện chuyển hồ sơ cho Sở Khoa học và Công nghệ. <p>Bước 2: Xử lý hồ sơ</p> <p>Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu, trình UBND tỉnh xem xét cấp lại Quyết định chỉ định cho tổ chức đánh giá sự phù hợp (UBND tỉnh giải quyết trong 02 ngày làm việc).</p> <p>Bước 3: Trả kết quả</p> <p>UBND tỉnh chuyển kết quả cho:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công để trả kết quả cho tổ chức; - Sở Khoa học và Công nghệ để lưu, theo dõi. 	<p>- Luật lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007.</p> <p>- Nghị định số 132/2008/NĐ- CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.</p> <p>- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 132/2008/NĐ-</p>

		<p>2. Thời gian giải quyết: tổng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Khoa học và Công nghệ: 2,5 ngày; - UBND tỉnh: 02 ngày. 	CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá.
4	Thủ đảng ký dự tham sơ tuyển xét Giải thưởng chất lượng quốc gia	<p>1. Thành phần Hồ sơ:</p> <p>* Hồ sơ nộp tại Hội đồng sơ tuyển gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký tham dự Giải thưởng chất lượng quốc gia theo quy định tại Mẫu số 19 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, 01 bản; - Báo cáo giới thiệu chung về tổ chức, doanh nghiệp, 01 bản; - Báo cáo tự đánh giá theo 07 tiêu chí của Giải thưởng chất lượng quốc gia, 01 bản; - Tài liệu chứng minh về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của tổ chức, doanh nghiệp), chứng chỉ hoặc tài liệu liên quan, 01 bản; - Tài liệu chứng minh về sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa chính với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng (bản sao y bản chính có ký tên và đóng dấu của tổ chức, doanh nghiệp), 01 bản; - Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi <p>Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến theo địa chỉ: motcua.daknong.gov.vn. - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, thực hiện chuyển hồ sơ cho Sở Khoa học và Công nghệ. <p>Bước 2. Xử lý hồ sơ</p> <p>Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng sơ tuyển tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tổ chức, doanh nghiệp tham dự Giải thưởng quốc gia theo 02 bước: Đánh giá hồ sơ và đánh giá tại tổ chức, doanh nghiệp. - Lập danh sách, tờ trình đề xuất với Hội đồng quốc gia: Căn cứ vào kết quả đánh giá, hội đồng sơ tuyển lập và đề xuất với Hội đồng quốc gia danh sách các tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện trình Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, đề nghị Thủ tướng Chính phủ trao tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia và tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. 	<p>Phí, lệ phí: - Luật Thực hiện theo quy định (hướng dẫn cụ thể hàng năm).</p> <p>- Nghị định số 132/2008/NĐ- CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.</p> <p>- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 132/2008/NĐ- CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi</p>

		<p>trường được phê duyệt và các kết quả quan trắc hàng năm hoặc báo cáo giám sát môi trường định kỳ theo quy định của pháp luật trong 03 năm gần nhất (bản sao y bản chính có ký tên và đóng dấu của tổ chức, doanh nghiệp) 01 bản;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác nhận kết quả thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước và thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động hàng năm trong 03 năm gần nhất (bản sao y bản chính có ký tên và đóng dấu của tổ chức, doanh nghiệp), 01 bản; - Bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của tổ chức, doanh nghiệp), các tài liệu chứng minh khác về kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp trong 03 năm gần nhất (nếu có), 01 bản. <p>2. Số bộ hồ sơ: 01 bộ và 01 đĩa CD.</p>	<p>Bước 3. Trả kết quả</p> <p>Sở Khoa học và Công nghệ chuyển kết quả thư hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả cho tổ chức, doanh nghiệp.</p> <p>2. Thời gian giải quyết</p> <p>Hàng năm (mỗi năm sẽ có kế hoạch và thông báo thời gian cụ thể theo kế hoạch của Hội đồng Quốc gia).</p>	<p>hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá.</p>
5	Thủ kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu	<p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu và cam kết chất lượng hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 74/2018/NĐ-CP tại cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa (sau đây viết tắt là cơ quan kiểm tra) và kèm theo các tài liệu sau: - Bản sao Hợp đồng, Danh mục hàng hóa (nếu có); 	<p>1. Trình tự thực hiện:</p> <p>Bước 1. Tiếp nhận hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến theo địa chỉ: motcua.daknong.gov.vn. - Trong thời gian 01 giờ kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công chuyển hồ sơ đến: + Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: Đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ ở địa phương. 	<p>Không</p> <p>- Luật lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007.</p> <p>- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao (có xác nhận của người nhập khẩu) vận đơn, hóa đơn, tờ khai hàng hóa nhập khẩu; - Chứng chỉ chất lượng của nước xuất khẩu (giấy chứng nhận chất lượng, kết quả thử nghiệm) (nếu có); - Giấy chứng nhận xuất xứ (nếu có), ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa có các nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn hàng hóa và nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định); - Chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có). Người nhập khẩu hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng hàng hóa do mình nhập khẩu. 	<p>+ Sở Khoa học và Công nghệ: Đối với sản phẩm, hàng hóa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. <p>(1) Đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định biện pháp công bố hợp quy theo kết quả đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 07 giờ làm việc, cơ quan kiểm tra xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên bản đăng ký của người nhập khẩu. Người nhập khẩu nộp bản đăng ký có xác nhận của cơ quan kiểm tra cho cơ quan hải quan để được phép thông quan hàng hóa. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông quan hàng hóa, người nhập khẩu phải nộp cho cơ quan kiểm tra kết quả tự đánh giá sự phù hợp theo quy định. Người nhập khẩu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về kết quả tự đánh giá sự phù hợp và bảo đảm hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng. Trường hợp hàng hóa không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng, người nhập khẩu phải kịp thời báo cáo cơ quan kiểm tra, đồng thời tổ chức việc xử lý, thu hồi hàng hóa này theo quy định của pháp luật. <p>(2) Đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định biện pháp công bố hợp quy theo kết quả chung nhận, giám định của tổ chức</p>
--	---	--

chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật:

- Trong thời hạn 07 giờ làm việc, cơ quan kiểm tra xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên bản đăng ký của người nhập khẩu. Người nhập khẩu nộp bản đăng ký có xác nhận của cơ quan kiểm tra cho cơ quan hải quan để được phép thông quan hàng hóa.
- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày thông quan hàng hóa, người nhập khẩu phải nộp cho cơ quan kiểm tra bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của người nhập khẩu) chứng chỉ chất lượng (Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật của tổ chức chứng nhận hoặc Chứng thư giám định phù hợp quy chuẩn kỹ thuật của tổ chức giám định).
- Trường hợp, hàng hóa đã được tổ chức chứng nhận đánh giá tại nước xuất khẩu, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thông quan, người nhập khẩu phải nộp bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của người nhập khẩu) Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật cho cơ quan kiểm tra. Người nhập khẩu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và bão đảm hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng. Trường hợp hàng hóa không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng, người nhập khẩu phải kịp thời báo cáo cơ quan kiểm tra, đồng thời tổ chức việc xử lý, thu hồi hàng hóa này theo quy định của pháp luật.

(3) Đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định biện pháp công bố hợp quy theo kết quả chừng nhẫn, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật:

(3.1) Cơ quan kiểm tra tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 74/2018/NĐ-CP và xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên bản đăng ký của người nhập khẩu.

(3.2) Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra theo các nội dung kiểm tra quy định tại điểm c khoản 2c Điều 7 sửa đổi tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP:

- *Trường hợp hồ sơ đầy đủ và phù hợp:*
Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng, cơ quan kiểm tra phải ra Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng yêu cầu chất lượng theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, gửi tới người nhập khẩu để làm thủ tục thông quan cho lô hàng;

- *Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không phù hợp, cơ quan kiểm tra xử lý như sau:*

+ Trường hợp hàng hóa không đáp ứng yêu cầu về nhẫn, cơ quan kiểm tra ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, trong

thông báo nêu rõ các nội dung không đặt yêu cầu gửi tới người nhập khẩu, đồng thời yêu cầu người nhập khẩu khắc phục về nhân hàng hóa trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc. Cơ quan kiểm tra chỉ cấp thông báo lô hàng nhập khẩu đáp ứng yêu cầu chất lượng khi người nhập khẩu có bằng chứng khắc phục;

+ Trường hợp hàng hóa nhập khẩu có chứng chỉ chất lượng không phù hợp với hồ sơ của lô hàng nhập khẩu hoặc chứng chỉ chất lượng không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật тuong ứng, cơ quan kiểm tra ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, trong thông báo nêu rõ các nội dung không đặt yêu cầu gửi tới cơ quan hải quan và người nhập khẩu. Đồng thời báo cáo cơ quan quản lý có thẩm quyền để xử lý theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định này;

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, cơ quan kiểm tra xác nhận các hạng mục hồ sơ còn thiếu trong phiếu tiếp nhận hồ sơ và yêu cầu người nhập khẩu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 15 ngày làm việc, nếu quá thời hạn mà vẫn chưa bổ sung đủ hồ sơ thì người nhập khẩu phải có văn bản gửi cơ quan kiểm tra nêu rõ lý do và thời gian hoàn thành. Các bước kiểm tra tiếp theo chỉ được thực hiện sau khi người nhập khẩu hoàn thiện đầy đủ hồ sơ.

Trường hợp người nhập khẩu không hoàn

thiên đầy đủ hồ sơ trong thời hạn quy định, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi hết thời hạn bổ sung hồ sơ, cơ quan kiểm tra ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trong thông báo nêu rõ “Lô hàng không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ” gửi tới người nhập khẩu và cơ quan hải quan. Đồng thời chủ trì, phối hợp cơ quan kiểm tra có thẩm quyền tiến hành kiểm tra đột xuất về chất lượng hàng hóa tại cơ sở của người nhập khẩu.

- Trường hợp, người nhập khẩu thực hiện đăng ký kiểm tra chất lượng trên Công thông tin một cửa quốc gia thì thực hiện đăng ký kiểm tra và trả kết quả kiểm tra chất lượng thông qua Công thông tin một cửa quốc gia.

Trường hợp hàng hóa nhập khẩu đang được áp dụng biện pháp quy định tại Khoản 2a hoặc Khoản 2b Điều 7 sửa đổi tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định 74/2018/NĐ-CP, nếu phát hiện chất lượng không bảo đảm, gây mất an toàn cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường hoặc khi có khiếu nại, tố cáo về hoạt động sản xuất hoặc nhập khẩu thì áp dụng biện pháp kiểm tra ở mức độ chặt chẽ hơn đối với hàng hóa nhập khẩu đó.

Bước 3. Trả kết quả

Cơ quan kiểm tra trả kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công để trả kết quả tổ chức.

2. Thời hạn giải quyết: tổng 01 ngày làm



			<ul style="list-style-type: none"> việc (8 giờ). - Trung tâm Hành chính công: 01 giờ; - Cơ quan kiểm tra: 07 giờ. 	
II	Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ	1 Thủ tục	<p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị xác nhận. - Thuyết minh về hàng hóa thuộc Danh mục hoặc đáp ứng tiêu chí theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ về hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ. - Hợp đồng mua bán hoặc hợp đồng ủy thác (bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu) hoặc các tài liệu khác liên quan để xác định giao dịch mua bán, nhập khẩu. - Ngoài các tài liệu trên, tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nộp các giấy tờ sau: <ul style="list-style-type: none"> + Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu); Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (nếu có); + Danh mục máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ (đối với trường hợp đề nghị xác nhận hàng 	<p>1. Trình tự thực hiện</p> <p>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến theo địa chỉ: motcua.daknong.gov.vn. - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, thực hiện chuyển hồ sơ cho Sở Khoa học và Công nghệ. <p>Bước 2: Xử lý hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 6,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ; Sở Khoa học và Công nghệ: <ul style="list-style-type: none"> + Thẩm định hồ sơ xác định rõ danh mục hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ trình UBND tỉnh. + Cố văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân về việc gia hạn thời gian trả lời trong trường hợp phải thẩm tra hồ sơ. + Trường hợp cần thiết, xem xét, tổ chức hội đồng để thẩm tra hồ sơ trước khi có văn bản trả lời. - Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ (đối với trường hợp đề nghị xác nhận hàng <p>Không</p> <p>- Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016.</p> <p>- Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.</p> <p>- Quyết định số 30/2018/QĐ-TTg ngày 31/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ương tạo công nghệ, ương tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, và công nghệ,</p>

	<p>hóa là máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên dùng sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ).</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.</p>	<p>không xác nhận thi có văn bản nêu rõ lý do.</p> <p>Bước 3. Trả kết quả</p> <p>UBND tỉnh chuyển kết quả cho:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công để trả kết quả cho tổ chức; - Sở Khoa học và Công nghệ để lưu, theo dõi. <p>2. Thời hạn giải quyết: tổng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Khoa học và Công nghệ: 6,5 ngày; - UBND tỉnh: 03 ngày. 	<p>đổi mới công nghệ; phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư.</p> <p>- Thông tư số 14/2017/TT-BKHCN ngày 01/12/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tiêu chí xác định phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên dùng và danh mục tài liệu, sách báo, tạp chí khoa học quy định tại khoản 2 điều 40 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện</p>
--	--	---	---

			pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu.
2	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân, đầu tư nghiên cứu	<p>1.Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản đề nghị công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức, cá nhân; + Tài liệu chứng minh quyền sở hữu hợp pháp đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hoặc văn bản cam kết trong trường hợp không có tài liệu chứng minh; + Tài liệu mô tả đặc tính, hiệu quả về kỹ thuật, kinh tế - xã hội, môi trường của kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (bản vẽ, thiết kế, quy trình, sơ đồ, kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá, thử nghiệm); + Tài liệu thể hiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã được chuyển giao, ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn; + Các tài liệu sau (nếu có): Văn bản nhận xét của tổ chức, cá nhân về hiệu quả ứng dụng thực tiễn, giải thưởng, tài liệu về sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, tài liệu khác. <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ (01 bản giấy và 01 bản điện tử).</p>	<p>1. Trình tự thực hiện</p> <p>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến theo địa chỉ: motcua.daknong.gov.vn. - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, thực hiện chuyển hồ sơ cho Sở Khoa học và Công nghệ. <p>Bước 2. Xử lý hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 14,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng, Sở Khoa học và Công nghệ trình UBND tỉnh ban hành Quyết định công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (UBND tỉnh giải quyết trong 05 ngày làm việc). <p>Bước 3. Trả kết quả</p> <p>UBND tỉnh chuyển kết quả cho:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công để trả kết quả cho tổ chức; - Sở Khoa học và Công nghệ để lưu, theo dõi.

		<p>2. Thời hạn giải quyết: tổng 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Khoa học và Công nghệ: 16,5 ngày; - UBND tỉnh: 05 ngày. 		
3	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	<p>1.Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Đối với đề nghị hỗ trợ kinh phí, hồ sơ gồm: + Văn bản đề nghị kèm theo thuyết minh; + Văn bản công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của cơ quan có thẩm quyền; + Tài liệu thể hiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được đưa vào ứng dụng, chuyên giao không quá 03 năm. (ii) Đối với đề nghị mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hồ sơ gồm: + Văn bản đề nghị kèm theo thuyết minh; + Văn bản công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của cơ quan có thẩm quyền; + Văn bản kiến nghị của cơ quan, tổ chức về sự cần thiết mua và phương án quản lý, khai thác, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ (01 bản giấy và 01 bản điện tử).</p>	<p>1. Trình tự thực hiện</p> <p>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến theo địa chỉ: motcua.daknong.gov.vn. - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, thực hiện chuyển hồ sơ cho Sở Khoa học và Công nghệ. <p>Bước 2. Xử lý hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 14,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá hồ sơ. - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá hồ sơ của hội đồng, Sở Khoa học và Công nghệ trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để xem xét hỗ trợ kinh phí, mua (UBND tỉnh giải quyết trong 05 ngày làm việc). <p>Bước 3. Trả kết quả</p> <p>UBND tỉnh chuyển kết quả cho:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công để trả kết quả cho tổ chức; - Sở Khoa học và Công nghệ để lưu, theo dõi. 	<p>- Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

		<p>2. Thời hạn giải quyết: tổng 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Khoa học và Công nghệ: 16,5 ngày; - UBND tỉnh 05 ngày. 		
4	Thủ tục mua súng chế, sáng kiến	<p>1.Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị Nhà nước mua súng chế, sáng kiến; - Văn bằng bảo hộ sáng chế, giấy chứng nhận sáng kiến; - Tài liệu thể hiện hiệu quả áp dụng sáng chế, sáng kiến trong thực tiễn và khả năng mở rộng quy mô áp dụng; - Văn bản kiến nghị của cơ quan, tổ chức về sự cần thiết mua súng chế, sáng kiến và phương án quản lý, khai thác, chuyển giao. <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ (01 bản giấy và 01 bản điện tử).</p>	<p>1. Trình tự thực hiện</p> <p>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến theo địa chỉ: motcua.dathong.gov.vn. - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, thực hiện chuyển hồ sơ cho Sở Khoa học và Công nghệ. <p>Bước 2. Xử lý hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 19,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh thành lập Hội đồng đánh giá từ 07 đến 09 thành viên, gồm đại diện của các cơ quan quản lý và các chuyên gia trong lĩnh vực có liên quan và Phê duyệt sáng chế, sáng kiến để xem xét mua. - Sau khi có kết quả của Hội đồng đánh giá, tham mưu UBND tỉnh Ban hành Quyết định phê duyệt sáng chế, sáng kiến để xem xét mua (UBND tỉnh giải quyết trong 05 ngày làm việc). <p>Bước 3. Trả kết quả:</p> <p>UBND tỉnh chuyển kết quả cho:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công để trả kết quả cho tổ chức; - Sở Khoa học và Công nghệ để lưu, theo 	<p>- Luật Chuyên giao công nghệ năm 2017.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyên giao công nghệ.

		dõi.	2. Thời hạn giải quyết: tổng 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Khoa học và Công nghệ: 19,5 ngày; - UBND tỉnh: 05 ngày.	
5	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	1. Thành phần hồ sơ: + Phiếu đề xuất nhiệm vụ Khoa học và công nghệ; + Văn bản xác nhận đồng ý tham gia của các tổ chức khác phối hợp nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ (nếu có); + Tài liệu khác liên quan đến nhiệm vụ (nếu có); 2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ (01 bản giấy và 01 bản điện tử).	<p>1. Trình tự thực hiện</p> <p>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến theo địa chỉ: motcua.daknong.gov.vn. - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, thực hiện chuyen hò sơ cho Sở Khoa học và Công nghệ. <p>Bước 2. Xử lý hồ sơ</p> <p>Trong thời hạn 4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ và trình UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ được hỗ trợ (UBND tỉnh giải quyết trong 02 ngày làm việc).</p> <p>Bước 3. Trả kết quả: UBND tỉnh chuyen kết quả cho:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công để trả kết quả cho tổ chức; - Sở Khoa học và Công nghệ để lưu, theo dõi. <p>2. Thời hạn giải quyết: tổng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày;</p>	<p>Không</p> <p>- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013.</p> <p>- Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;</p> <p>- Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, được sửa</p>

			<p>- Sở Khoa học và Công nghệ: 4,5 ngày, - UBND tỉnh: 02 ngày.</p>	đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2017/TT- BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
6	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có án dự thuộc ngành, nghề ưu đãi địa trú, bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ	<p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ; + Hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ) + Văn bản xác nhận đồng ý tham gia của các tổ chức khác phối hợp nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ (nếu có); + Tài liệu khác liên quan đến nhiệm vụ (nếu có) <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ (01 bản giấy và 01 bản điện tử).</p>	<p>1. Trình tự thực hiện</p> <p>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến theo địa chỉ: motca.daknong.gov.vn. - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ, thực hiện chuyển hồ sơ cho Sở Khoa học và Công nghệ. <p>Bước 2. Xử lý hồ sơ</p> <p>Trong thời hạn 4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ và trình UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ (UBND tỉnh giải quyết trong 02 ngày làm việc).</p> <p>Bước 3: Trả kết quả</p> <p>UBND tỉnh chuyển kết quả cho:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công để trả kết quả cho tổ chức; - Sở Khoa học và Công nghệ để lưu, theo dõi. <p>2. Thời hạn giải quyết: tổng 07 ngày làm</p>	<p>- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017. - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ. - Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà

		<p>việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Khoa học và Công nghệ: 4,5 ngày; - UBND tỉnh: 02 ngày. 	<p>nước, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>
7	Thủ hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ	<p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ; + Hợp đồng chuyền giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyền giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyền giao công nghệ) + Văn bản xác nhận đồng ý tham gia của các tổ chức khác phối hợp nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ (nếu có); + Tài liệu khác liên quan đến nhiệm vụ (nếu có) <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ (01 bản giấy và 01 bản điện tử).</p>	<p>1. Trình tự thực hiện</p> <p>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến theo địa chỉ: motcua.daknong.gov.vn. - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, thực hiện chuyển hồ sơ cho Sở Khoa học và Công nghệ. <p>Bước 2: Xử lý hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ và trình UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ (UBND tỉnh giải quyết trong 03 ngày làm việc). - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định được phê duyệt: UBND tỉnh công khai trên Công thông tin điện tử của tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở. <p>Bước 3: Trả kết quả</p>

		<p>UBND tỉnh chuyên kết quả cho:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công để trả kết quả cho Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; - Sở Khoa học và Công nghệ để lưu, theo dõi, công khai. <p>2. Thời hạn giải quyết: tổng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Khoa học và Công nghệ: 3,5 ngày; - UBND tỉnh: 03 ngày. 	<p>ngân sách nhà nước, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>
8	<p>Thủ tục</p> <p>hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyên giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hoặc văn bản cam kết trong trường hợp không có tài liệu chứng minh;</p> <p>+ Tài liệu chứng minh quyền sở hữu hợp pháp kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hoặc văn bản cam kết trong trường hợp không có tài liệu chứng minh (Tài liệu là một trong các biểu mẫu: Mẫu 4 (Thông tư 15/2014/TT-BKHCN); Mẫu 11 (Thông tư 11/2014/TT-BKHCN); Phụ lục 6 – GXNKQKHCN (Thông tư 02/2015/TT-BKHCN)).</p>	<p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <p>+ Phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ;</p> <p>+ Văn bản xác nhận đồng ý tham gia của các tổ chức ứng dụng, chuyên giao công nghệ địa phương phối hợp thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>+ Tài liệu chứng minh quyền sở hữu hợp pháp kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hoặc văn bản cam kết trong trường hợp không có tài liệu chứng minh;</p> <p>+ Tài liệu chứng minh quyền sở hữu hợp pháp kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ hoặc văn bản cam kết trong trường hợp không có tài liệu chứng minh (Tài liệu là một trong các biểu mẫu: Mẫu 4 (Thông tư 15/2014/TT-BKHCN); Mẫu 11 (Thông tư 11/2014/TT-BKHCN); Phụ lục 6 – GXNKQKHCN (Thông tư 02/2015/TT-BKHCN)).</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bản (01 bản</p>	<p>Không</p> <p>1. Trình tự thực hiện</p> <p>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến theo địa chỉ: motcua.daknong.gov.vn. - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, thực hiện chuyển hồ sơ cho Sở Khoa học và Công nghệ. <p>Bước 2. Xử lý hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ và trình UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ (UBND tỉnh giải quyết trong 03 ngày làm việc). - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định được phê duyệt: UBND tỉnh công khai trên Công thông tin điện tử của tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở.
			<p>- Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013.</p> <p>- Luật Chuyên giao công nghệ năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Chuyên giao công nghệ.</p> <p>- Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công</p>

	giấy và 01 bản điện tử).	Bước 3: Trả kết quả UBND tỉnh chuyển kết quả cho: - Trung tâm Hành chính công để trả kết quả cho tổ chức; - Sở Khoa học và Công nghệ để lưu, theo dõi, công khai. 2. Thời hạn giải quyết: tổng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ: - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Khoa học và Công nghệ: 3,5 ngày; - UBND tỉnh: 03 ngày.	nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. - Thông tư số 33/2014/TT-BKHCN ngày 06/11/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ của Bộ Khoa học và Công nghệ.
B THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ			
I	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ	1. Thủ tục 1 Thành phần hồ sơ bao gồm: + Văn bản đề nghị đăng ký chuyển giao công nghệ; nhận đăng ký chuyển + Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực văn bản giao kết chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt hoặc bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc	1. Trình tự thực hiện: Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ - Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến theo địa chỉ: motua.daknong.gov.vn . - Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc
I			Đối với - Luật Chuyển đổi các đồng chuyên giao công nghệ ký lần đầu - Giao công nghệ

những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ	<p>chứng thực đối với văn bản giao kết chuyên giao công nghệ bằng tiếng nước ngoài;</p> <p>+ Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giáp phép kinh doanh,...) của các bên tham gia chuyển giao công nghệ;</p> <p>+ Giấy xác nhận tư cách pháp lý của người đại diện các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>+ Bản sao chứng thực Văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư đối với chuyển giao công nghệ có sử dụng vốn nhà nước;</p> <p>+ Giấy ủy quyền (trong trường hợp ủy quyền cho bên thứ ba thực hiện thủ tục đăng ký hợp đồng chuyên giao công nghệ).</p>	<p>nhận hồ sơ hợp lệ, thực hiện chuyên hồ sơ cho Sở Khoa học và Công nghệ đối với:</p> <p>+ Chuyên giao công nghệ của dự án đầu tư trên địa bàn quản lý thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của HDND các cấp, UBND các cấp, Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đầu tư công, thuộc diện cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không thuộc trường hợp phải có quyết định chủ trương đầu tư của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;</p> <p>+ Trường hợp tự nguyện đăng ký chuyên giao công nghệ (nơi bên đăng ký chuyên giao công nghệ đặt trụ sở chính trên địa bàn tỉnh Đăk Nông).</p>	<p>thì phí định đồng hợp chuyển</p> <p>được tính theo tỷ lệ 0,1% (một phần nghìn) tông giá trị hợp đồng chuyên giao công nghệ nhung tối đa không dưới 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng.</p>	<p>thẩm định đồng công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tông giá trị hợp đồng chuyên giao công nghệ nhung tối đa không dưới 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng.</p>	<p>quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyên giao công nghệ.</p> <p>- Thông tư số 169/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyên giao công nghệ.</p>
2 Thủ tục Giấy chứng	<p>1. Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>+ Văn bản đề nghị đăng ký giao, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyên giao</p>	<p>1. Trình tự thực hiện:</p> <p>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</p> <p>- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc</p>	<p>với - Luật Chuyên giao công nghệ số năm 2017.</p>	<p>Đối với hợp đồng các</p>	<p>24</p>

nhận đăng ký hanh, đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ)	<p>công nghệ;</p> <p>+ Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực văn bản thỏa thuận, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ bằng tiếng Việt hoặc bản dịch sang tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ bằng tiếng nước ngoài được giao hạn, sửa đổi, bổ sung;</p> <p>+ Bản sao Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấp phép kinh doanh,...) của các bên tham gia chuyển giao công nghệ; bản sao chứng minh thư nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu (còn thời hạn theo quy định) (đối với cá nhân);</p> <p>+ Bản sao chứng thực văn bản chấp</p>	<p>qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc nộp trực tuyến theo địa chỉ: motcua.daknong.gov.vn.</p> <p>- Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, thực hiện chuyển hồ sơ cho Sở Khoa học và Công nghệ.</p> <p>Bước 2: Xử lý hồ sơ</p> <p>Trong thời hạn 4,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký giao hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ. Trường hợp không cấp có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.</p> <p>Bước 3: Trả kết quả</p> <p>Sở Khoa học và Công nghệ chuyển kết quả thực hiện cho Trung tâm Hành chính công trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.</p> <p>2. Thời hạn giải quyết: tổng 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày; - Sở Khoa học và Công nghệ: 4,5 ngày. 	<p>chuyển giao công nghệ để nghị đăng ký sửa đổi, bổ sung thì phí hành một số định hợp đồng, giao công nghệ được tính theo tỷ lệ 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị hợp đồng sửa đổi, bổ sung nhưng tối đa không quá 05 (năm) triệu đồng và tối thiểu 03 (ba) triệu đồng.</p> <p>- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.</p> <p>- Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ báo cáo thực hiện đồng giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao; mẫu văn bản trong hoạt động cấp Giấy phép chuyên giao công nghệ, đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ.</p> <p>- Thông tư số 169/2016/TT-</p>
--	---	---	---



	<p>thuận của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư đối với chuyên giao công nghệ có sử dụng vốn nhà nước;</p> <p>+ Bản gốc Giấy ủy quyền (trong trường hợp bên thứ ba được ủy quyền thực hiện thủ tục đề nghị đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyên giao công nghệ).</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>	BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyên giao công nghệ.
--	--	--

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BẤI BỎ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	TCDLCL 10	Thủ tục xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia	Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá.	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng - Sở Khoa học và Công nghệ

Tổng TTHC cấp tỉnh:

- 13 TTHC mới ban hành;
- 02 TTHC thay thế;
- 01 TTHC bãi bỏ.